

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 52 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 11 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông họp ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Xét Văn bản số 3031/STNMT-QLMT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2 đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 03/2023-CV-MKG-BĐT ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 03/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2 (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 23/09/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới, Chủ tịch UBND xã Bảo Ninh; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ BẢO NINH 2
(kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2023
của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đô thị Bảo Ninh 2
- Địa điểm thực hiện: xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích triển khai dự án: 181.859,75 m².
- Đầu tư xây dựng khu đô thị hoàn chỉnh, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thượng tầng bao gồm các hạng mục: San nền, hệ thống đường giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, các công trình nhà ở, công trình cao tầng hỗn hợp có chức năng ở, công trình thương mại dịch vụ, trường mầm non, vệ sinh môi trường, cây xanh và một số hạng mục phụ trợ khác.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Công trình nhà ở thấp tầng, bao gồm: Nhà biệt thự: 53 căn; Nhà ở kết hợp kinh doanh: 220 căn.
- Công trình cao tầng hỗn hợp có chức năng ở: Chiều cao tối đa 40 tầng.
- Công trình thương mại dịch vụ: Chiều cao tối đa 7 tầng (không bao gồm diện tích tầng hầm, tầng tum, mái, các diện tích sàn kỹ thuật khác).
- Công trình Trường mầm non: Chiều cao tối đa 3 tầng.
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh trong hoạt động thi công các hạng mục công trình; bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh trên tuyến đường vận chuyển, tại khu vực tập kết nguyên vật liệu; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác từ quá trình thi công; chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Trong giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại... phát sinh từ quá trình hoạt động của người dân tại các hạng mục công trình của khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a. Trong giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với tổng lượng phát sinh khoảng 4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform,... và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ các hoạt động thi công, bao gồm: nước thải từ các hoạt động trộn bê tông, vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình... Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng gồm: TSS, COD, BOD₅.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân tại các hạng mục công trình của dự án với tổng lượng phát sinh khoảng 1.078 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform,... và các vi sinh vật gây bệnh khác.

3.1.2. Khí thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án; bụi tại bãi tập kết vật liệu xây dựng; bụi do đất bám theo bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường; khí thải, mùi hôi phát sinh từ các thùng đựng rác, nhà vệ sinh lưu động, khu vực lán trại... Thông số đặc trưng ô nhiễm: TSP, CO, SO₂, NO_x...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải ra vào dự án, trên các tuyến đường nội bộ; mùi hôi, khí thải từ thùng đựng rác, cống thoát nước. Thông số đặc trưng ô nhiễm: mùi, TSP, CO, SO₂, NO_x...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động trên công trường gồm giấy loại, bao bì, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt loại thải... với khối lượng ước tính khoảng 35 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình thi công xây dựng bao gồm: Các loại vật liệu xây dựng dư thừa như cát, đá, xi măng, bê tông rơi vãi, bao bì đựng vật liệu xây dựng,... ước tính khối lượng này phát sinh khoảng 7.500m³; bentonite thải loại khoảng 299 tấn; cát từ quá trình đào móng thi công nhà cao tầng khoảng 141.038m³.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân tại các hạng mục công trình của khu vực dự án gồm giấy loại, bao bì, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt loại thải... với khối lượng ước tính khoảng 8.915kg/ngày.

3.2.2. Chất thải nguy hại

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động xây dựng chủ yếu là giẻ lau dính dầu, thùng sơn, dầu máy thải... với lượng phát sinh như sau: lượng dầu máy phát sinh ước tính khoảng 112 lít/lần, lượng giẻ lau dính dầu khoảng 20 kg/quá trình thi công...

b. Đối với giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của người dân tại các hạng mục công trình của dự án, chủ yếu gồm: các bao bì, chai lọ đựng hóa chất, đồ dùng điện tử hư hỏng, đèn neon hỏng, pin hết hạn sử dụng,...; phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc kỹ thuật: giẻ lau dính dầu mỡ, can, thùng đựng dầu nhớt..., tải lượng phát sinh trung bình dự báo khoảng 10 - 15 kg/tháng.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới gây ra, đặc biệt là các thiết bị ủi, xúc, trộn bê tông,...tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường nội bộ; Tiếng ồn phát sinh ở mỗi hộ gia đình và tiếng ồn từ loa đài công cộng.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Trong giai đoạn xây dựng:

* Đối với nước thải sinh hoạt: Sử dụng 02 nhà vệ sinh lưu động đặt tại khu vực lán trại để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến hút, vận chuyển bùn, cặn lắng tại bể chứa chất thải đi xử lý theo đúng quy định; sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng tiến hành tháo dỡ hoàn trả lại mặt bằng cho khu vực. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.



* Đối với nước thải xây dựng: Sử dụng vòi tia để phun nước bảo dưỡng các hạng mục công trình. Lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng. Bố trí thùng phi tại công trường thi công để rửa, vệ sinh dụng cụ; đối với nước làm sạch dụng cụ, tận dụng lại cho việc bảo dưỡng công trình. Sử dụng 2 hồ lắng với thể tích khoảng 9 m³ ở khu vực xịt rửa bánh xe để lắng đất, cát của nước xịt rửa và tách váng dầu trước khi thoát vào mương thoát nước dọc tuyến đường nội bộ.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải xám phát sinh từ Dự án được thu gom theo từng khối nhà và đầu nối trực tiếp vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu vực.

- Nước thải đen phát sinh từ các khu nhà được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Sau thời gian lưu và xử lý tại bể tự hoại, nước thải sẽ theo hệ thống ống dẫn chảy sang hồ ga để đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu vực.

- Nước thải từ các khu bếp được dẫn qua song chắn rác để tách các chất rắn có kích thước lớn, sau đó về bể tách dầu có thể tích 20m³. Bể tách dầu được thiết kế 3 ngăn và được lắp đặt ở phía dưới các khu vực nhà. Toàn bộ nước thải từ khu vực nhà bếp được dẫn về bể tách dầu mỡ và lọc rác rồi mới dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu vực.

- Yêu cầu nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu vực trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Trong giai đoạn xây dựng

- Áp dụng biện pháp thi công theo hình thức cuốn chiếu để hạn chế khối lượng lớn đất, cát đào đắp nhằm hạn chế lượng bụi phát tán trong khu vực.

- Che chắn toàn bộ khu vực Dự án bằng tôn xộp cao 3m nhằm hạn chế bụi phát tán gây ảnh hưởng đến người dân khu vực và người tham gia giao thông trên tuyến đường Võ Nguyên Giáp, 36m đi cầu Nhật Lệ 2 đoạn qua Dự án.

- Sử dụng lưới chuyên dụng che chắn khi thi công tầng cao các công trình để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Che đậy các bãi chứa nguyên vật liệu để tránh gió cuốn gây bụi và thu dọn sạch sẽ khu vực bãi chứa ngay khi xây dựng xong

- Sử dụng xe phun ẩm các tuyến đường vận chuyển phục vụ hoạt động dự án trong quá trình thi công với tần suất phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể, tăng tần suất phun ẩm vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn.

- Sử dụng dây lưới và có giá đỡ vật liệu rơi khi thi công trên cao, sử dụng biện pháp lưới mắt cáo bao bọc toàn bộ các công trình cao tầng.



- Dọn vệ sinh trên tuyến đường vận chuyển nếu xe vận chuyển phục vụ hoạt động dự án làm rơi vãi nguyên vật liệu xây dựng, chất thải trên tuyến đường vận chuyển.

- Phun ẩm tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường, tần suất phun ẩm tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể, tăng tần suất phun ẩm vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị lao động như kính mắt, khẩu trang, găng tay,... để đảm bảo sức khỏe lao động.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Vận động, tuyên truyền người dân tích cực tham gia công tác vệ sinh đường phố.

- Hoàn thiện hệ thống cây xanh theo thiết kế của Dự án đảm bảo môi trường vi khí hậu ở khu vực Dự án. Tuyên truyền mỗi hộ gia đình có trách nhiệm chăm sóc cho cây xanh để duy trì diện tích cây xanh.

- Bố trí vị trí bãi đỗ xe hợp lí để đảm bảo môi trường khu dân cư.

- Thường xuyên vệ sinh, giữ gìn sạch sẽ khu vực công cộng, kinh doanh, dịch vụ của dự án.

- Sử dụng các thùng rác có nắp đậy kín, dọn dẹp vệ sinh hằng ngày, không để tồn lưu rác qua ngày.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định. Sử dụng 02 thùng rác 100 lít có nắp đậy kín tại lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt vô cơ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Đối với rác thải hữu cơ như thức ăn dư thừa, hoa quả hư hỏng,...: bố trí thùng chứa có nắp đậy kín để thu gom và chuyển giao cho các hộ chăn nuôi trong khu vực có nhu cầu để thu gom trong ngày, tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà tự thu gom vào các thùng chứa rác theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Được thu gom, phân loại tại nguồn; các loại chất thải rắn thông thường có thể tái sử dụng được thu gom, bán cho cơ sở có nhu cầu thu mua tái sử dụng, tái chế; các chất thải không thể tái sử dụng phải thu gom và hợp đồng với đơn vị quản lý, vận hành bãi đổ phế thải xây dựng khu vực Ba Trang để vận chuyển về bãi đổ phế thải xây dựng khu vực Ba Trang, thôn 6, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh được thực hiện phân loại tại nguồn trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng rác dung tích phù hợp để thu gom, phân loại rác tại các khu chức năng. Số lượng và thiết kế của các thùng rác vừa đảm bảo chứa đựng hết lượng rác phát sinh trong ngày vừa đảm bảo thẩm mỹ cho khu vực.

- Bố trí các điểm tập kết rác tại các khu vực công cộng như công viên, trên các trục đường nội bộ... để thu gom rác từ các khu vực của Dự án. Mỗi điểm đặt 3 thùng đựng rác loại 150 lít có quy định màu khác nhau cho từng nhóm rác.

- Đối với các khu biệt thự, nhà ở kết hợp kinh doanh, thương mại dịch vụ, trường mầm non: Rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn, sau đó được đưa đến các thùng rác cố định tại các điểm tập kết rác (có quy định màu cho từng nhóm rác) theo giờ quy định của khu phố để tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân vệ sinh thu gom rác về bãi tập kết.

- Đối với tòa nhà cao tầng: Rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn. Rác thải sinh hoạt của từng hộ dân tại từng tầng được đưa về tại phòng gom rác bố trí mỗi tầng. Tại phòng gom rác bố trí 3 loại thùng đựng rác chuyên biệt để phân loại rác: Nhóm hữu cơ dễ phân huỷ, nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế và nhóm còn lại. Rác được vận chuyển xuống tầng hầm (bằng thang máy vận chuyển hàng hoá, không dùng thang máy dành cho người dân) theo khung giờ quy định trong ngày và được vận chuyển đến điểm tập kết để đưa đi xử lý bởi xe chở rác chuyên dụng.

- Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu để tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm được thu gom và chuyển giao cho cơ sở chăn nuôi trên địa bàn làm thức ăn chăn nuôi; các loại chất thải rắn sinh hoạt khác phải thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo đúng quy định.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, xử lý các loại chất thải rắn thông thường theo đúng quy định, áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thực hiện dự án nhằm tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên

và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng và các quy định khác về an toàn, bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 100 lít có nắp đậy kín dán nhãn chất thải nguy hại đặt ở lán trại của khu vực thi công để thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh của dự án. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để định kỳ đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

b. Trong giai đoạn hoạt động

Tiến hành thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn, bố trí thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy kín và thực hiện chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy thi công hiện đại và thực hiện phân công công việc phù hợp, không tập trung các phương tiện, máy móc hoạt động cùng lúc tại một vị trí thi công nhằm hạn chế phát sinh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật nhằm hạn chế khả năng gây ồn và rung do thiết bị thi công tạo ra.

- Áp dụng các công nghệ thi công tiên tiến nhằm giảm khả năng gây ồn, rung do các hoạt động thi công dự án gây ra.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Tuyên truyền ý thức giữ gìn an ninh, trật tự cho cư dân; đề nghị các hộ dân sử dụng phương tiện giao thông có ý thức, hạn chế phát sinh tiếng ồn khi lưu thông trong khu vực dự án; quy định giờ giấc giới hạn đối với việc mở loa đài trong các hoạt động; thống nhất thời gian sử dụng loa phát thanh công cộng trong các cuộc họp dân phố.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư trong giai đoạn xây dựng

5.1. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, NO₂, SO₂, CO, bụi, tiếng ồn,
- Vị trí giám sát:
 - K₁: tại vị trí tiếp giáp Dự án khu đô thị Bảo Ninh 1 về phía Tây Bắc
 - K₂: tại vị trí tiếp giáp Dự án khu đô thị Bảo Ninh 3 về phía Tây Nam
 - K₃: khu vực tiếp giáp giữa 3 Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 1 - 2 - 3
 - K₄: Tại nút giao giữa tuyến đường Võ Nguyên Giáp với tuyến đường 36m đi Cầu Nhật Lệ 2
 - K₅: Tại vị trí giao giữa tuyến đường Nguyễn Thị Định với đường 36m đi Cầu Nhật Lệ 2
 - K₆: Tại khu dân cư thôn Hà Thôn cách Dự án 300m về phía Tây
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 06 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực Dự án.
- Nội dung giám sát: các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, các tác động tiêu cực tại khu vực dự án và lân cận trong quá trình thực hiện dự án; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động có liên quan, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Đông Hới và các đơn vị, địa phương liên quan để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.3. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

6.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xác định chính xác ranh giới thực hiện dự án; Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông; cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

6.5. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cải thiện môi trường lao động, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc.

6.6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.7. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo đúng quy định./.

